

ĐẶC TRƯNG NGỮ NGHĨA CỦA NHÓM VỊ TỪ NHẬN XÉT - ĐÁNH GIÁ TRONG TIẾNG VIỆT TỪ GÓC NHÌN CỦA NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG

NGUYỄN THỊ KIM CÚC¹

Abstract: The criteria [$\pm$ active] and [$\pm$ intentional] are two important criteria proposed by S.C. Dik for classifying events and predicates (the core of events) from the perspective of functional grammar. However, these criteria have been creatively applied by Vietnamese linguists in the study of events and the structure of events (predicates and participants). Based on this theoretical framework, this paper focuses on clarifying the semantic features of evaluative - commentative predicates in Vietnamese. Accordingly, the content of the paper will include two main parts: 1) An overview of predicates and evaluative-commentative predicates in Vietnamese; and 2) The semantic characteristics of evaluative predicates in Vietnamese in terms of the criteria [$\pm$ active] and [$\pm$ intentional]. The research findings of this paper will contribute to clarifying the role of semantic aspects in linguistic research and affirm the superior advantages of functional grammar compared to traditional grammar.

Keywords: *evaluative-commentative predicates, functional grammar, semantic features*

1. Mở đầu

Ngữ pháp chức năng (functional grammar) là khuynh hướng ngữ pháp hiện đại nghiên cứu ngôn ngữ trên ba bình diện, vừa độc lập vừa tương tác với nhau. Trong đó, bình diện nghĩa là bình diện nghiên cứu tín hiệu trong mối quan hệ với hiện thực được phản ánh. Bình diện nghĩa chú ý thích đáng tới hai thành phần nghĩa của câu: nghĩa miêu tả (còn gọi là nghĩa biểu hiện, nghĩa sự vật, nghĩa mệnh đề, nghĩa quan niệm) và nghĩa tình thái. Ở bình diện nghĩa miêu tả, vị từ được quan tâm đặc biệt vì nó giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc nghĩa, mang đặc trưng hay quan hệ có tính động hoặc tính tĩnh làm thành cái lõi của sự tình. Bài viết tập trung chỉ ra đặc trưng ngữ nghĩa của vị từ nhận xét - đánh giá theo tiêu chí [$\pm$ động] và [$\pm$ chủ ý] do S.C.Dik [4] đề xuất. Việc xác định được đặc trưng ngữ nghĩa từ hai tiêu chí [$\pm$ động] và [$\pm$ chủ ý] sẽ giúp phân biệt được vị từ nhận xét - đánh giá với các loại vị từ khác trong tiếng Việt cũng như xác định được kiểu sự tình của câu có vị từ này làm trung tâm.

Những kết quả nghiên cứu của bài viết này sẽ góp thêm một minh chứng để khẳng định những ưu điểm của ngữ pháp chức năng so với ngữ pháp truyền thống, đồng thời giúp cho việc giảng dạy và nghiên cứu câu tiếng Việt nói riêng, ngữ pháp tiếng Việt nói chung dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng đạt hiệu quả cao hơn.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về vị từ và vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt

2.1.1. Khái quát về vị từ

Vị từ là thuật ngữ đã được nhắc tới trong ngữ pháp truyền thống với tư cách là một từ loại gộp gồm động từ và tính từ. Đây là những từ có khả năng làm vị ngữ trực tiếp trong câu mà không cần có sự trợ giúp của từ *là*. Tuy nhiên khái niệm *vị từ* được sử dụng trong nghiên cứu này là những từ ngữ có chức năng nghĩa trung tâm trong cấu trúc vị từ - tham thể (một số nhà Việt ngữ học không dùng khái niệm *vị từ* mà dùng khái niệm *vị tố*). *Vị từ* là những từ làm hạt nhân ngữ nghĩa, làm thành cái lõi của sự tình bởi một thuộc tính hay một quan hệ có tính động hoặc tĩnh.

Dựa vào những tiêu chí khác nhau, các nhà nghiên cứu lại có cách phân chia vị từ khác nhau.

¹ ThS, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Vị từ tiếng Anh theo cách phân chia của Chafe [3] (dựa trên tính trạng thái và tính hoạt động, tính toàn cục và tính bộ phận, tính nội động và tính ngoại động) được phân thành các loại: 1. Vị từ trạng thái; 2. Vị từ quá trình; 3. Vị từ hành động; 4. Vị từ quá trình hành động; 5. Vị từ trạng thái hoàn cảnh; 6/ Vị từ hành động hoàn cảnh. Trong khi đó, S.C.Dik [4] dựa vào tiêu chí tính năng động [$\pm$ động], tính chủ ý [$\pm$ chủ ý] và phân chia vị từ thành bốn nhóm cơ bản là: 1. Vị từ hành động [$+$ động; $+$ chủ ý]; 2. Vị từ quá trình [$+$ động; $-$ chủ ý]; 3. Vị từ trạng thái [$-$ động; $-$ chủ ý]; 4. Vị từ tư thế [$-$ động; $+$ chủ ý].

Trong tiếng Việt, các tác giả cũng đưa ra nhiều cách phân chia vị từ. Nguyễn Thị Lương [10, tr.154] đã tổng hợp các cách phân chia loại vị từ (tác giả Nguyễn Thị Lương gọi là *vị tố*) trong tiếng Việt như sau:

* Dựa vào ý nghĩa của vị tố

- Vị tố dời chuyển: *đi, đứng, chạy, bò, trườn, bay,...*
- Vị tố tác động làm thay đổi vị trí của vật: *bung, bẻ, công, mang, vác, ném, lia,...*
- Vị tố tác động làm thay đổi trạng thái vật lí của vật: *đâm, chặt, chém, cắn, đập,...*
- Vị tố tác động làm đối tượng bị huỷ diệt: *thieu, huỷ, diệt, phá, đập,....*
- Vị tố tạo tác: *xây, đắp, đào, tô, vẽ, sáng tác, viết,...*
- Vị tố nói năng: *nói, bảo, kể, chửi, rửa,...*

...

* Dựa vào đặc trưng [$\pm$ động], [$\pm$ chủ ý]

- Loại vị tố có đặc trưng [$+$ động] và [$+$ chủ ý]: là các vị tố chỉ hành động
- Loại vị tố có đặc trưng [$+$ động] và [$-$ chủ ý]: là các vị tố chỉ quá trình
- Loại vị tố có đặc trưng [$-$ động] và [$-$ chủ ý]: là các vị tố chỉ tư thế
- Loại vị tố có đặc trưng [$-$ động] và [$+$ chủ ý]: là các vị tố chỉ trạng thái, tính chất, quan hệ

* Dựa vào số lượng các tham thể mà vị tố đòi hỏi

Giữ vai trò cốt lõi, hạt nhân trong cấu trúc sự tình, vị từ sẽ chi phối số lượng và chức năng nghĩa của các tham thể. Số lượng các tham thể do vị từ đòi hỏi dao động từ 1 đến 3 tham thể. Tham thể do vị từ đòi hỏi là tham thể bắt buộc.

- Vị từ đòi hỏi 1 tham thể bắt buộc là những vị tố biểu thị ý nghĩa trạng thái tâm sinh lí, đặc điểm, tính chất của sự vật sự việc.

Ví dụ 1: *Vợ lão chết rồi.* (3, tr. 94) (*chết*: vị từ trạng thái, *vợ lão*: thể mang trạng thái)

- Vị từ đòi hỏi 2 tham thể bắt buộc là những vị tố tác động, quan hệ, cảm nghĩ.

Ví dụ 2: *Tao sẽ đánh nó.* (1, tr.25) (*tao*: vị tố tác động, *đánh*: thể tác động, *nó*: thể chịu tác động)

- Vị từ đòi hỏi 3 tham thể bắt buộc là các vị tố cầu khiến, vị tố trao tặng.

Ví dụ 3: *Anh tặng Muôn đôi vòng tay bạc.* (8, tr.347) (*tặng*: vị từ trao tặng; *anh*: chủ thể trao tặng, *Muôn*: đối tượng tiếp nhận; *đôi vòng tay bạc*: vật trao tặng)

Trên thực tế, cũng có trường hợp vị từ không đòi hỏi tham thể. Đó là trường hợp các câu đặc biệt.

Ví dụ 4: *Đám người nhón nháo lên. Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.*

2.1.2. Khái quát về vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt

Vị từ nhận xét - đánh giá được nhắc đến trong một số công trình nghiên cứu ngữ pháp truyền thống, dưới góc độ từ loại và được gọi bằng những cái tên khác nhau. Nguyễn Kim Thản gọi nhóm vị từ này là *động từ đánh giá - nhận xét* và quan niệm đó là những từ “biểu thị sự đánh giá, nhận xét đối

tượng” [13, tr.153]. Nhà nghiên cứu Lê Biên gọi nhóm vị từ này là *động từ nhận xét đánh giá*. Tác giả Bùi Minh Toán và Nguyễn Thị Lương trong *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt* có định nghĩa đơn giản về nhóm động từ này, đó là “các động từ chỉ hoạt động đánh giá đối tượng” [15, tr.39 - 40].

Ngoài việc xác lập định nghĩa, các nhà ngữ pháp truyền thống cũng chỉ ra mô hình kết hợp của vị từ này trong cụm từ hoặc trong câu có vị từ đó làm trung tâm. Trong đó, họ cùng chung quan điểm xếp nhóm từ này thuộc từ loại động từ, là những từ chỉ hoạt động của người, vật. Với tiêu chí khả năng kết hợp, các tác giả đều cho rằng nhóm từ chỉ hoạt động nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt thuộc nhóm động từ không độc lập, tức là những “thường không dùng một mình để làm thành phần câu mà phải dùng với một từ khác (có cả động từ khác) hoặc một cụm từ đi sau làm thành tố phụ” [15, tr.36-37].

Tiếp nhận lí thuyết mới, *một số vị từ thuộc vị từ nhận xét - đánh giá cũng bước đầu được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu về ngữ pháp chức năng*, đặc biệt là ở bình diện ngữ nghĩa. Trong công trình *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: Vị từ hành động*, tác giả Nguyễn Thị Quy nhắc đến nhóm động từ biểu thị sự nhận xét - đánh giá đối tượng bao gồm: *gọi, chọn, nâng, lấy, nhận, xác nhận,...* Khi phân tích các vị từ nhận thức - phát ngôn, tác giả cũng chỉ ra các từ *thủ nhận, xác nhận, công nhận, khen, chê, nhận định,...* là những hành động [+ động], [+ chủ ý]. Các từ *cho (rằng), thấy (rằng), nhận thấy, hiểu, nhớ, quên...* là những trạng thái [- động], [- chủ ý] [12, tr.129]. Trong công trình *Kết quả của động từ tiếng Việt*, Nguyễn Văn Lộc gọi vị từ này là *động từ bình xét* và định nghĩa như sau: “các động từ chỉ hoạt động bình bầu, xét chọn một đối thể nào đó mà kết quả của hoạt động là đối thể có một tư cách hay chức vụ nhất định (ví dụ: *bầu, chọn, cử, coi, gọi, lấy...*)” [9, tr.15]. Sau này, trong *Ngữ pháp tiếng Việt* của Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến và trong luận án *Vị từ ngữ trị ba trong Tiếng Việt (Cấu trúc - Ngữ nghĩa)* của tác giả Trần Văn Thư, các tác giả cũng chỉ ra được một số từ thuộc nhóm vị từ nhận xét - đánh giá và xác định được các động từ thuộc nhóm này là động từ tam trị cũng như ngữ trị hay kết tố của nhóm động từ này. Trần Văn Thư gọi loại vị từ này là vị từ *bình xét* và khẳng định: “Vị từ này biểu thị sự đánh giá, nhận xét các đối tượng mà gắn với đối tượng là một tư cách, một phẩm chất hay một chức vụ nhất định” [14, tr.65].

Như vậy, các nhà nghiên cứu đều công nhận sự tồn tại của vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt và bước đầu chỉ ra đặc điểm của vị từ này. Tiếp thu thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi quan niệm về vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt như sau: *Vị từ nhận xét - đánh giá là những vị từ đưa ra ý kiến, nhận định của một hoặc một nhóm chủ thể có ý thức về một đối tượng nào đó.*

Tuy nhiên, nếu chỉ căn cứ vào định nghĩa này thì việc xác định những vị từ thuộc nhóm vị từ nhận xét - đánh giá còn nhiều khó khăn do chúng có những đặc điểm ý nghĩa và đặc điểm kết hợp giống với nhóm vị từ nhận thức, vị từ cảm nghĩ hay vị từ phát ngôn. Chính vì vậy, chúng tôi thấy rằng cần xem xét kĩ hơn nhóm vị từ khi đặt chúng vào một tiêu loại lớn hơn (vị từ tình thái và vị từ tình thái tính) theo quan điểm của ngữ pháp chức năng.

Ở Việt Nam, lí thuyết về vị từ tình thái đã được nhắc tới trong một số công trình nghiên cứu theo đường hướng ngữ pháp chức năng tiêu biểu là Cao Xuân Hạo với công trình *Tiếng Việt - Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*. Cao Xuân Hạo dịch thuật ngữ *verb modaux* là vị từ tình thái và xác định đây là một phương tiện biểu đạt tình thái của câu, tức là nhóm vị từ này “phản ánh thái độ của người nói đối với điều mình nói ra, cách người nói đánh giá tính hiện thực hay không hiện thực, giới hạn của tính hiện thực, mức độ của tính xác thực, của tính tất yếu (khách quan hay đạo lí), tính khả năng (vật chất hay tinh thần), tính chất đáng mong muốn hay đáng tiếc,...” [7, tr.102-103]. Từ quan điểm của ngữ pháp chức năng, Cao Xuân Hạo đã đề cập đến những đặc trưng cơ bản nhất của vị từ tình thái: *Về ý nghĩa nghĩa*, vị từ tình thái là những động từ biểu thị thái độ, cách đánh giá, ý muốn, ý chí... của người nói đối với nội dung của câu nói hoặc với hiện thực khách quan. *Về ngữ pháp*, vị từ tình thái giữ vị trí trung tâm của vị ngữ, được đặt sau chủ ngữ và có một vị từ khác đi kèm phía sau làm bổ ngữ trực tiếp.

Dựa vào quan điểm của Cao Xuân Hạo, vị từ nhận xét - đánh giá đảm bảo được đầy đủ những tiêu chí để trở thành một vị từ tình thái:

- Về ý nghĩa, vị từ nhận xét - đánh giá cũng là những từ chỉ hành động nhận xét - đánh giá, từ đó biểu thị thái độ, cách đánh giá... của người nói đối với nội dung của câu nói hoặc với hiện thực khách quan.

- Về ngữ pháp, vị từ nhận xét - đánh giá là những động từ không độc lập với đặc điểm: thường không dùng một mình mà đòi hỏi phải có ít nhất một từ hoặc một cụm từ khác đi kèm làm bổ ngữ.

Từ những quan điểm về vị từ nhận xét - đánh giá như trên, chúng tôi xác định tiêu chí nhận diện những vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt như sau:

- Thứ nhất, *vị từ nhận xét - đánh giá là những vị từ đưa ra ý kiến, nhận định của một hoặc một nhóm chủ thể có ý thức về một đối tượng nào đó*. Như vậy, trước tiên, vị từ nhận xét - đánh giá phải là từ mang những nét nghĩa thể hiện hành động nhận xét - đánh giá.

- Thứ hai, xét về mặt hình thức tổ chức, *vị từ nhận xét - đánh giá là một động từ không độc lập đòi hỏi phải có bổ ngữ đi cùng để bổ sung ý nghĩa về đối tượng và nội dung cho hành động nhận xét - đánh giá mà chủ thể của câu thực hiện*.

- Thứ ba, vị từ nhận xét - đánh giá là vị từ tình thái, tức là những vị từ giữ vai trò trung tâm trong câu (cả về ngữ nghĩa và ngữ pháp) và biểu thị thái độ chủ quan của chủ thể đối với sự tình được nói đến ở phần bổ ngữ của câu.

Từ ba tiêu chí nhận diện như trên, chúng tôi xác lập nhóm vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt bao gồm 33 từ sau: *bãi nhiệm, bầu, bầu cử, bình chọn, bổ nhiệm, chịu, cho, chọn, chứng nhận, coi, công nhận, cử, đánh giá, giáng chức, gọi, làm, lấy, lựa chọn, mệnh danh, miễn nhiệm, nhận, nhận định, nhận thấy, nhận xét, phong, suy tôn, thấy, thú nhận, thừa nhận, tin, tôn, xác định, xác nhận*.

Trong số 33 vị từ này, hai vị từ được coi là tiêu biểu nhất cho nhóm vị từ nhận xét - đánh giá chính là *nhận xét* và *đánh giá*. Hai vị từ *nhận xét* và *đánh giá* ngay trong ý nghĩa từ vựng đã bao gồm những nét nghĩa [một hoặc một nhóm chủ thể có ý thức] [đưa ra ý kiến, nhận định về một đối tượng nào đó]. Chính vì vậy, nó hoàn toàn có thể trở thành các vị từ trung tâm đại diện cho nhóm vị từ nhận xét - đánh giá. Những vị từ còn lại chúng tôi quan niệm là những vị từ ngoại biên của nhóm vị từ nhận xét - đánh giá. Về thuộc tính ngữ nghĩa và cả ngữ pháp, ranh giới của các vị từ này với các vị từ thuộc phạm trù khác như vị từ nhận thức, vị từ phát ngôn,... rất mờ. Trong từ điển, vị từ đó có thể có rất nhiều ý nghĩa (từ đa nghĩa), khi muốn xác định đúng nghĩa của từ, ta phải đặt nó trong văn cảnh. Các vị từ ngoại biên này cũng có thể rơi vào trường hợp chuyển loại từ từ một nhóm vị từ khác sang nhóm vị từ nhận xét - đánh giá.

2.2. Đặc trưng của vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt nhìn từ hai tiêu chí [$\pm$ động] và [$\pm$ chủ ý]

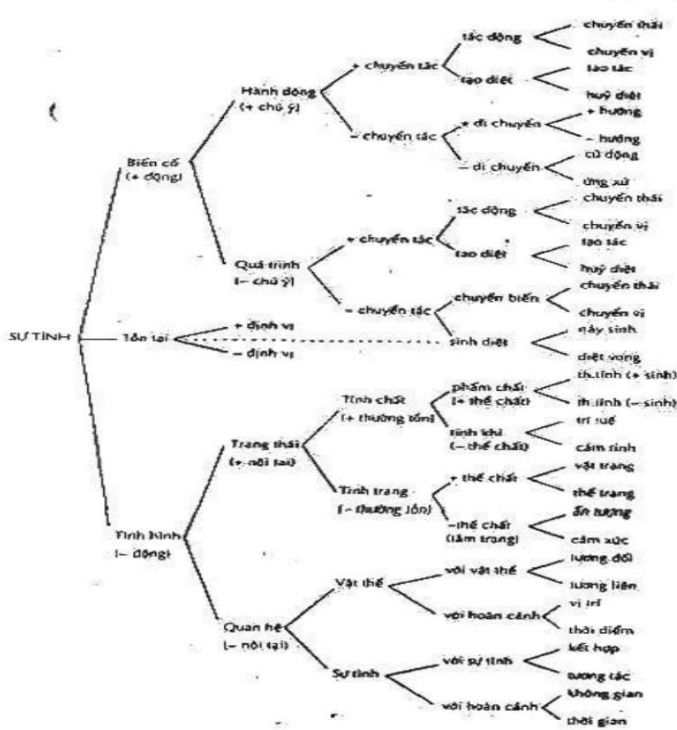
Nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Hà Lan S.C.Dik dựa vào tiêu chí tính năng động [$\pm$ động], tính chủ ý [$\pm$ chủ ý] và phân chia vị từ thành bốn nhóm cơ bản (Xem mục 2.1.1.). Nhận xét - đánh giá là một phần của quá trình tư duy của con người về một vấn đề tự nhiên hay xã hội nào đó. Đó là một quá trình thuộc về thế giới tinh thần. Trong hoạt động tư duy, tâm lý học nhận thức đề cao vai trò của ngôn ngữ - một phương tiện tư duy của con người. Từ đó, ta có thể thấy rằng, nhận xét - đánh giá cũng là một hoạt động vì nó có chủ thể (con người, con vật), có đối tượng (sự vật, sự việc, hiện tượng), có mục đích và được vận hành gián tiếp thông qua phương tiện ngôn ngữ.

Trong phần này, chúng tôi sẽ sử dụng các tiêu chí [$\pm$ động] và [$\pm$ chủ ý] do Dik đề xuất, kết hợp với quan điểm của các nhà Việt ngữ học khi ứng dụng vào nghiên cứu tiếng Việt để chỉ ra đặc trưng của nhóm vị từ nhận xét - đánh giá.

2.2.1. Đặc trưng của vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt nhìn từ tiêu chí [$\pm$ động]

Theo Dik, tiêu chí [$\pm$ động] có mối quan hệ mật thiết với khái niệm *biến đổi* (*change*). Một sự tình [$+$ động] là loại sự tình biểu thị các sự vật, sự việc, hiện tượng có biến đổi nào đó (kể cả biến đổi nội tại) theo không gian, thời gian hoặc theo diễn tiến của quá trình giao tiếp. Sự tình ấy được Dik gọi là các *biến cố*. Còn sự tình [$-$ động] được Dik gọi với khái niệm *tình thế*. Đó là loại sự tình không có bất kì sự biến đổi nào theo dòng thời gian trước, trong và sau khi phát ngôn. Nếu quan điểm nhận xét - đánh giá là một hành động thì vị từ nhận xét - đánh giá sẽ là một vị từ hành động mang tính [$+$ động], [$+$ chủ ý]. Tuy nhiên, vị từ nhận xét - đánh giá lại là vị từ tình thái, vì vậy, những vị từ này mang tính [$+$ chủ ý] nhưng tính chất [$\pm$ động] sẽ không được thể hiện rõ ràng.

Tuy nhiên, khi vận dụng vào nghiên cứu tiếng Việt, Cao Xuân Hạo cho rằng, những biến cố có thể chia ra thành biến cố hành động (mang tính [$+$ chủ ý]) và biến cố quá trình (mang tính [$-$ chủ ý]). Ông cũng đưa thêm những tiêu chí [$\pm$ chuyển tác]... để chia nhỏ hơn nữa các kiểu sự tình. Ông đưa ra một sơ đồ phân loại rất chi tiết như sau:



Hình 1. Hệ thống loại hình sự tình của Cao Xuân Hạo [7, tr.429]

Theo đó, những vị từ nhận xét - đánh giá mang đặc trưng [$+$ động]. Trong cấu trúc nghĩa miêu tả của tiếng Việt, vị từ này luôn đòi hỏi một tham thể bắt buộc chỉ đối tượng của hành động nhận xét - đánh giá.

Ngoài ra, đặc trưng [$+$ động] của nhóm vị từ nhận xét - đánh giá còn được thể hiện ở một số yếu tố hình thức. Kế thừa thành tựu nghiên cứu của Dik, Nguyễn Thị Quy trong công trình *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó (So sánh với tiếng Nga và tiếng Anh)* đã chỉ ra những đặc trưng ngữ pháp để phân biệt những vị từ mang tính [$+$ động] với những vị từ mang tính [$-$ động] của vị từ trong tiếng Việt như sau [12, tr.48-64]:

Vị từ nhận xét - đánh giá là những từ biểu thị hành động nhận xét - đánh giá mang tính chủ quan của một hoặc một nhóm chủ thể có ý thức về đặc điểm, tính chất hoặc quan hệ của một đối tượng nào đó. Hành động nhận xét - đánh giá là hành động chủ quan của mỗi người, không tác động đến đối tượng nào về tính vật lý, cũng không có sự di chuyển theo hướng. Tuy nhiên, hành động nhận xét - đánh giá lại là một hành động “*làm một việc gì đó có tính chất ứng xử với tình thế*” [6, tr.434] thuộc về tình thần nhằm mục đích nhận xét - đánh giá về đặc điểm, tính chất, quan hệ của đối tượng. Đó chính là sự biến đổi trong nhận thức, tư duy và cách nhìn nhận về thế giới khách quan. Vì vậy, dựa vào các tiêu chí phân chia của Cao Xuân Hạo, có thể xếp nhóm vị từ nhận xét - đánh giá vào nhóm [- chuyển tác] [- di chuyển] [$+$ ứng xử].

- Khả năng kết hợp với các từ chỉ tốc độ: *bổng, bèn, suýt, vụt,...* và khả năng có mặt của những từ ngữ chỉ âm thanh: *bộp, bịch, vèo, xịt, vút,...*

- Nghĩa hay sắc thái nghĩa khi kết hợp với từ tình thái *đã, rồi*; vị từ chỉ “hướng”: *lên, xuống, ra, vào, đi, lại,...*

- Sự khu biệt trong câu phủ định và trong cách trả lời câu hỏi “*Có/Không*”.

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, đặc trưng [+ động] của sự tình nhận xét - đánh giá nói cũng chính là đặc trưng của vị từ nhận xét đánh giá (hạt nhân của sự tính) được biểu hiện như sau:

Thứ nhất, các vị từ nhận xét - đánh giá có thể kết hợp với các từ chỉ tốc độ như *bổng, bèn, suýt, đột nhiên, vội vàng, thông thả, từ từ, nhanh, chậm, thoăn thoắt, dần...* ở phía trước.

Ví dụ 5: *Đó là việc, cũng như Hà Lan trước kia, sau một đêm ngủ dậy, tôi **bổng nhận ra** mình lớn vọt hẳn lên, ra dáng một chàng trai hẳn hoi.* (1, tr.53)

Trong ví dụ trên, từ *bổng* được đặt trước vị từ *nhận ra* giúp bổ sung nghĩa chỉ tốc độ cho vị từ này. Hành động *nhận ra* là một hành động nhận xét - đánh giá của Ngạn về sự trưởng thành của chính bản thân mình. Hành động này diễn ra một cách rất nhanh chóng và bất ngờ trong chính nhận thức của nhân vật này.

Ví dụ 6: *Cái kẹt bỏ lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi, bẻ trái trụng cá làm cơm, muông dừa là chén, giả đồ “ăn” no, giả đồ tối rồi, đi ngủ, một bữa kia chơi chán lẩn ra ngủ thiếp, thức dậy **bổng thấy** cuộc đời mình thay đổi quá trời đất, như đã sống qua một kiếp rồi.* (8, tr.179)

Ví dụ 7: *Người bị tấn công **nhANH chóng coi** người kia là kẻ thù, quái vật hay rác rưởi, và sau khi phi nhân hóa họ, coi họ xứng đáng để bị trừng trị.* (4, tr.158-159)

Thứ hai, những vị từ nhận xét - đánh giá có khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ*. Đây đều là những từ chỉ sự biến đổi theo thời gian. Khi kết hợp với từ *đã* phía trước, sự tình trong câu sẽ là một sự tình diễn ra và chấm dứt hoàn toàn trong quá khứ.

Ví dụ 8: *Hắn **đã cho** là tuyệt lắm.* (3, tr.324)

Câu trên diễn tả sự nhận xét - đánh giá của *hắn* về một đối tượng nào đó với nội dung là *tuyệt lắm*. Đối tượng tiếp nhận sự nhận xét - đánh giá ở đây đã bị ẩn nhưng ta hoàn toàn có thể xác định được đối tượng ấy là gì khi đặt câu vào trong ngữ cảnh phía trước: *Cái giường đượm hương thơm... Thật ra thì cái hương thơm ấy chỉ là một mùi nước hoa hạng rẻ tiền. Nhưng Hải có biết gì về cái thứ nước hoa. Hắn **đã cho** là tuyệt lắm.* Như vậy, đối tượng tiếp nhận sự nhận xét - đánh giá của Hải ở đây là *Cái giường đượm hương thơm*. Hành động nhận xét - đánh giá của Hải là hành động đã diễn ra trong quá khứ, được người kể chuyện trần thuật lại.

Khi kết hợp với *sẽ*, sự tình trong câu sẽ hướng tới một thời điểm nào đó ở tương lai.

Ví dụ 9: *Nhưng rồi có một lúc người xẻ bóng **sẽ thấy** rằng cái đẹp của quê hương ta là cái đẹp của cỏ biển, xoan đào, hương thơm của ta là hương thơm của cau xanh, lúa vàng chứ đâu phải cái đẹp của con mắt xéch vẽ xanh, của tấm mini mời mọc “tí ti thôi nhè”, của đôi môi tô theo kiểu Mĩ trông như môi người chết trôi; mà cũng đâu có phải là hương thơm của dầu thơm “Santalina”, “Kiss Me” hoà với hơi người tạo thành một mùi thú vật đang kỳ “con nước”.* (2, tr.23)

Với từ *sẽ* đứng trước vị từ *thấy*, người viết diễn đạt một sự đánh giá đúng đắn về *cái đẹp của quê hương ta* nằm ở tương lai, có thể là khi con người ta bước sang tuổi *xẻ bóng*.

Thứ ba, các vị từ nhận xét - đánh giá có thể kết hợp với các từ chỉ sự tiếp diễn, đồng nhất như *cũng, còn, lại, vẫn, đều*. Điều này chứng tỏ, những vị từ nhận xét - đánh giá này chỉ sự tình có thể biến đổi được trong không gian và thời gian.

(*) Trong không gian:

Ví dụ 10: *Ai cũng cho là ông lí Nhưng tệ quá: vợ nó đẻ, cơm đã chẳng có mà ăn, da trông mồm ra nước được; chồng thì cái khó chẳng có mà đeo; thế mà ông nỡ xoay của nó, thì còn gì là nhân đức nữa.* (3, tr.442)

Phát ngôn trên có từ *cho* là một vị từ nhận xét - đánh giá được kết hợp với từ *cũng* phía trước. Sự kết hợp này thể hiện sự nhận xét - đánh giá giống nhau của mọi người trong một cộng đồng rằng ông lí Nhưng là một người tệ.

(*) Trong thời gian: Những vị từ nhận xét - đánh giá cũng có thể kết hợp với những từ chỉ sự tiếp diễn, đồng nhất tức là sự tình nhận xét - đánh giá ấy có thể biến đổi trong thời gian.

Ví dụ 11: *Mỗi lần có bánh quà gì, thế nào thằng anh Nhu cũng tranh lấy phần hơn. Bà mẹ bảo Nhu: “Nó là anh, con phải nhường cho nó”. Nhu cho là phải lắm. Nhưng mấy năm sau, Nhu đã có em thì mẹ Nhu lại bảo Nhu rằng: “Nó là em, chấp với nó làm gì?”. Nhu cũng lại cho là phải lắm.* (3, tr.216-217)

Trong phát ngôn trên, có hai lần vị từ nhận xét - đánh giá *cho* xuất hiện. Tuy trong cả hai lần, đối thể tiếp nhận sự nhận xét - đánh giá đều bị tình lược nhưng dựa vào những câu liền trước, ta có thể khôi phục lại được. Lần thứ nhất, vị từ *cho* thể hiện sự đánh giá của Nhu về việc nhường anh quả bánh là phải. Lần thứ hai xuất hiện, vị từ *cho* đi kèm với hai từ chỉ sự tiếp diễn, đồng nhất *cũng* và *lại* để chỉ sự đánh giá lặp lại, giống với lần thứ nhất. Không chỉ đánh giá nhường anh quả bánh là phải, mà *mấy năm sau*, Nhu cũng đánh giá việc nhường em cũng là phải.

Thứ tư, các sự tình [+ động] ở hình thức phủ định thường sử dụng các từ phủ định đơn *không, chưa, chẳng*. Đặc điểm này có ở những vị từ nhận xét - đánh giá.

Ví dụ 12: *Tôi không tin ngôi trường dịu dàng mà cô Thịnh và Hà Lan đang theo học lại đầy rẫy nguy hiểm như tụi con trai vẫn hay kể.* (1, tr.88)

Trong ví dụ (12), vị từ nhận xét - đánh giá mang tính khẳng định *tin* lại bị phủ định bởi từ *không* đứng liền trước. Đặc điểm, tính chất *đầy rẫy nguy hiểm như tụi con trai vẫn hay kể* của đối tượng nhận xét - đánh giá *ngôi trường dịu dàng mà cô Thịnh và Hà Lan đang theo học* cũng bị phủ định theo. Hay trong trường hợp sau:

Ví dụ 13: *Tôi chẳng thấy nó giống chút nào với cô bé vẫn thường ngồi cạnh trong lớp, thậm chí có lúc tôi chẳng thấy đôi chân nó đâu.* (1, tr.22)

Từ *chẳng* cũng phủ định toàn bộ sự nhận xét - đánh giá của nhân vật tôi về mối quan hệ tương đồng giữa *nó* và *cô bé vẫn thường ngồi cạnh trong lớp*.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định, [+động] là đặc trưng ngữ nghĩa của nhóm vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt khi vận dụng cách hiệu linh hoạt đặc trưng [$\pm$ động] của Dik.

2.2.2. Đặc trưng của vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt nhìn từ tiêu chí [$\pm$ chủ ý]

Nói đến đặc trưng [$\pm$ chủ ý] tức là ta quan tâm đến đặc điểm của chủ thể sự tình được nói đến trong câu. Chủ thể đó có thể là chủ thể hữu tri (con người, động vật) hoặc cũng có thể là chủ thể vô tri (thực vật, đồ vật,...). Nếu một sự tình xảy ra do một chủ thể chủ động quyết định, cố ý làm, tự mình điều khiển và chịu trách nhiệm thì đó là sự tình mang tính [+ chủ ý]. Khi ấy, chủ thể là người hoặc động vật (hữu tri) hay có thể gọi như Dick là “kẻ có chủ ý” [4, tr.49]. Ngược lại, nếu sự tồn tại của một sự tình không phải do con người hay động vật có ý thức quyết định thì đó là sự tình mang tính [- chủ ý].

Sự nhận xét - đánh giá là kết quả của một quá trình nhận thức diễn ra bên trong của mỗi cá nhân, mang hệ giá trị riêng của mỗi cá nhân. Đứng trước một sự vật, sự việc, hiện tượng, mỗi chủ thể quan sát ở những khoảng thời gian khác nhau, dưới những góc nhìn riêng và cách cảm, cách nghĩ rất khác biệt sẽ cho ra những nhận xét - đánh giá khác nhau. Vị từ nhận xét - đánh giá biểu thị sự nhận xét - đánh giá của chủ thể đối với nội dung được nói đến trong câu. Chính vì vậy, nét nghĩa “chủ quan” sẵn có trong bản thân ý nghĩa của các từ này. Nét nghĩa “chủ quan” này cũng dễ dàng cho ta thấy nhóm vị từ nhận xét - đánh giá mang tính [+ chủ ý]. Vị từ nhận xét - đánh giá bao giờ cũng đòi hỏi một tham thể bắt buộc giữ vai nghĩa là chủ thể đưa ra nhận xét - đánh giá về đặc điểm, tính chất hay mối liên hệ của một người, vật, việc, hiện tượng nào đó. Chủ thể đó là người hoặc động vật có ý thức, chủ động đưa ra nhận xét - đánh giá, đồng thời kiểm soát và chịu trách nhiệm về sự nhận xét - đánh giá ấy.

Ví dụ 14: Ông **thấy** tội ông to lắm. (7, tr.183)

Trong ví dụ trên, ông (ông Văn Minh) là một chủ có ý thức, đưa ra nhận xét - đánh giá về mức độ nghiêm trọng của cái *tội* mà chính bản thân ông đã gây ra, rằng đó là một cái tội rất nghiêm trọng *to lắm*. Ông Văn Minh là người tự đưa ra nhận xét - đánh giá này, không chịu sự kiểm soát, điều khiển của ai khác và cũng đồng thời là người kiểm soát, chịu trách nhiệm về sự nhận xét - đánh giá của mình.

Giống như đặc trưng [+ động], những vị từ nhận xét - đánh giá cũng có những dấu hiệu hình thức mà dựa vào đó, ta có thể nhận diện được tính [+ chủ ý] của nhóm động từ này. Theo tác giả Nguyễn Thị Quy, có một số đặc trưng ngữ pháp có thể dựa vào để nhận biết tính [$\pm$ chủ ý] của một vị từ. Đó là 1. *Diễn tri*, 2. *Khả năng tình thái hoá bằng những từ bao hàm ý chủ động*, 3. *Khả năng tham gia vào những kết cấu cầu khiến với tư cách làm bổ ngữ chỉ nội dung sự cầu khiến cho tất cả các vị từ cầu khiến*, 4. *Khả năng có bổ ngữ chỉ “người hưởng lợi”* và 5. *Khả năng có bổ ngữ chỉ mục đích*. Nếu vị từ cần xét có những đặc trưng ngữ pháp trên thì đó là một vị từ mang tính [+ chủ ý], còn nếu không có thì vị từ ấy mang tính [- chủ ý]. Dựa vào 5 đặc trưng ngữ pháp mà Nguyễn Thị Quy đưa ra, chúng tôi sẽ phân tích và làm rõ tính [+ chủ ý] của nhóm vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt.

Diễn tri

Một sự tình mang tính [+ chủ ý] luôn tiền giả định ít nhất một chủ thể. Nếu không có chủ thể thì sẽ không có chủ ý. Đặc trưng đầu tiên của một vị từ [+ chủ ý] là có ít nhất một diễn tố, hay còn gọi là tham thể bắt buộc chỉ chủ thể của sự tình. Những vị từ nhận xét - đánh giá luôn đòi hỏi một tham thể bắt buộc chỉ chủ thể đi kèm vì vậy nó mang tính [+ chủ ý].

Ví dụ 15: Hắn coi các ông như những đồ trẻ con. (3, tr.170)

Vị từ *coi* trong trường hợp trên là những vị từ nhận xét - đánh giá đi theo chủ thể của sự tình *hắn*. Đây là một cá nhân có ý thức.

Khả năng tình thái hoá bằng những từ bao hàm ý chủ động

Những từ bao hàm ý chủ động ở đây là những từ ngữ chỉ sự toan tính của chủ thể như *cố, cố gắng, dám, đành, định, nỡ, hứa, quyết định, tính, toan, vội*. Những vị từ tình thái này bao hàm một cách tất nhiên tính [+ chủ ý] của các vị từ làm bổ ngữ cho nó, vì một sự tình xảy ra mà không có sự chủ ý của chủ thể thì không thể toan tính được.

Vị từ nhận xét - đánh giá có khả năng làm bổ ngữ cho những từ bao hàm ý chủ động. Vì vậy, vị từ nhận xét - đánh giá có tính [+ chủ ý].

Ví dụ 16: Trong khi chờ kết quả thanh tra, chúng ta đành **tin** rằng anh ta trong sạch.

Ví dụ 17: Anh ấy tính **bầu** Trump làm Tổng thống Mỹ.

Các từ *đành, tính* được dùng để chỉ sự toan tính của chủ thể đối với sự tình của câu. Sự hiện thực hoá vai trò ngữ pháp của hai từ *tin, bầu* giữ vai trò là bổ ngữ cho hai từ *đành, tin* trong hai câu trên cũng chứng tỏ các vị từ nhận xét - đánh giá có tính [+ chủ ý].

Khả năng tham gia vào những kết cấu câu khiến với tư cách làm bổ ngữ chỉ nội dung sự cầu khiến cho tất cả các vị từ cầu khiến

Ngoài chủ thể sai khiến, những vị từ cầu khiến như: *mời, sai, cho phép, thỉnh cầu, ra lệnh cho, giục, yêu cầu...* bao giờ cũng yêu cầu một bổ ngữ chỉ đối tượng sai khiến và một vị từ khác làm bổ ngữ chỉ nội dung cầu khiến. Những bổ ngữ này phải có tính [+ chủ ý] vì không ai sai khiến một đối tượng không có nhận thức, không thể tự mình kiểm soát, điều khiển được một sự tình. Một số vị từ nhận xét - đánh giá có thể làm bổ ngữ cho những vị từ sai khiến.

Ví dụ 18: Nó *năn nỉ* tôi ***bầu*** Dương làm lớp trưởng.

Ví dụ 19: Bà ấy *bắt* con bé phải ***coi*** việc học là tất cả.

Các từ nhận xét - đánh giá *bầu* hay *coi* ở hai ví dụ trên làm bổ ngữ cho vị từ trung tâm của câu *yêu cầu, bắt*.

Tuy nhiên, trường hợp những từ nhận xét - đánh giá làm bổ ngữ cho những vị từ cầu khiến rất ít vì nhận xét - đánh giá là hành động đã được cá nhân hoá, riêng tư hoá đến mức tối đa, không ai có khả năng và có quyền sai khiến được người khác phải nhận xét thế nào, đánh giá thế nào về một sự vật, sự việc, hiện tượng ngoài thế giới khách quan. Đây sẽ là một đặc điểm bị chi phối bởi bình diện ngữ dụng với các vấn đề liên quan đến phép lịch sự trong giao tiếp.

Khả năng có bổ ngữ chỉ “người hưởng lợi”

Các vị từ nhận xét - đánh giá chỉ sự nhận xét - đánh giá chủ quan của chủ thể về một nội dung nào đó được nói đến trong câu, trong phát ngôn. Những nhận xét - đánh giá đó là kết quả của một quá trình nhận thức xuất phát từ quan điểm của cá nhân hay cộng đồng để phục vụ, thoả mãn nhu cầu nhận thức riêng của chính cá nhân, chính cộng đồng đó. Mà mỗi cá nhân hay cộng đồng lại có những quan điểm riêng, cách cảm, cách nghĩ riêng nên những nhận xét - đánh giá của người này không thể áp đặt cho người khác, kẻ khác, không thể nhận xét - đánh giá *giúp, hộ, thay* người khác được. Vì vậy, đây không phải là tiêu chí để nhận diện tính [+ chủ ý] của vị từ nhận xét - đánh giá.

Khả năng có bổ ngữ chỉ mục đích

Một sự tình có mục đích được tạo ra từ sự tính toán của chủ thể phải là một sự tình có chủ ý. Những vị từ nhận xét - đánh giá có khả năng có bổ ngữ chỉ mục đích đi kèm nên những vị từ nhận xét - đánh giá này mang tính [+ chủ ý].

Ví dụ 20: Chúng tôi *cử* ông ấy làm tổ trưởng *để phụ trách những việc chung của tổ dân phố*.

Trong câu trên, ta có vị từ *cử* là một vị từ nhận xét - đánh giá có một bổ ngữ chỉ mục đích theo sau là *để phụ trách các việc chung của phường*.

Ngoài 5 đặc trưng ngữ pháp như trên theo Nguyễn Thị Quy, ta có thể thấy rằng, những vị từ có tính [+ động] là những vị từ ***có khả năng có bổ ngữ chỉ phương tiện hay cách thức***. Nếu có phương tiện, cách thức thì điều đó chứng tỏ chủ thể đã có những sự tính toán, lựa chọn, chuẩn bị nhất định để thực hiện, điều khiển một sự tình nào đó một cách tốt nhất, thuận lợi nhất.

Ví dụ 21: *Bằng tất cả những gì mình quan sát được trong một thời gian dài, tôi đánh giá rằng cô ấy là người phù với vị trí Trưởng phòng*.

3. Kết luận

Hai tiêu chí $[\pm \text{động}]$ và $[\pm \text{chủ ý}]$ là hai tiêu chí quan trọng do S.C.Dik đề xuất để phân loại sự tình và phân loại vị từ (nòng cốt của sự tình) theo quan điểm của ngữ pháp chức năng. Tuy nhiên hai tiêu chí này đã được các nhà Việt ngữ học vận dụng sáng tạo vào nghiên cứu sự tình và cấu trúc của sự tình (vị từ, tham thể). Trên cơ sở lí thuyết đó kết hợp với việc xác định bản chất ngữ nghĩa vốn có của các từ cũng như những dấu hiệu về hình thức, chúng tôi đã làm rõ được đặc trưng $[+ \text{động}]$, $[+ \text{chủ ý}]$ của vị từ nhận xét - đánh giá trong tiếng Việt. Từ hai đặc trưng này, theo chúng tôi, có thể xếp nhóm vị từ nhận xét - đánh giá vào loại vị từ hành động (theo quan điểm phân chia của Dik). Đây là tiêu chí quan trọng để xác định những vị từ thuộc nhóm vị từ nhận xét - đánh giá, giúp phân biệt nhóm vị từ này với một số nhóm vị từ khác có những điểm gần gũi, tương đồng.

NGŨ LIỆU

1. Nguyễn Nhật Ánh, *Mắt biếc*, NXB Trẻ, 2018.
2. Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Văn hóa thông tin, 2000.
3. Nam Cao, *Nam Cao - Truyện ngắn tuyển chọn*, NXB Văn học, 2004.
4. Đặng Hoàng Giang, *Thiện, ác và smartphone*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2020.
5. Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*, NXB Văn học, 2017.
6. Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*, NXB Trẻ, 2017.
7. Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, NXB Văn học, 2002.
8. Nguyễn Huy Thiệp, *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp* NXB Văn hoá Sài Gòn, TPHCM, 2007.
9. Nguyễn Ngọc Tư, *Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ, 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Lan Anh, *Câu quan hệ tiếng Việt dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng*, NXB KHXH, 2014.
2. Lê Biên, *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1996.
3. Wallace L. Chafe, *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ*, NXB Giáo dục, 1998.
4. Simon C. Dik, (Nguyễn Văn Phổ, Chủ biên, dịch), *Functional Grammar: Ngữ pháp chức năng*, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh, 2005.
5. M. Halliday, (Hoàng Văn dịch), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2004.
6. Cao Xuân Hạo, *Sự tích bốn chữ “CHÍNH TRƯỚC PHỤ SAU” trong Việt ngữ học*, 2005. (<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=4116&rb=06>)
7. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB KHXH, 2017.
8. Nguyễn Văn Hiệp, *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
9. Nguyễn Văn Lộc, *Kết quả của động từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1995.
10. Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017.
11. Nguyễn Thị Lương, *Câu trong tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, 2016.
12. Nguyễn Thị Quy, *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: Vị từ hành động*, NXB KHXH, 2002.
13. Nguyễn Kim Thản, *Động từ trong tiếng Việt*, NXB KHXH, 1977.
14. Trần Văn Thư, *Vị từ ngữ trị ba trong Tiếng Việt (Cấu trúc - Ngữ nghĩa)*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2002.
15. Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương, *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
16. <https://tracau.vn/>